

KẾ TOÁN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ VẬN DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

Ths. Nguyễn Thị Kim Chung*

Kế toán trách nhiệm xã hội phản ánh lượng hóa thông tin về kinh tế, xã hội, môi trường của doanh nghiệp nhằm cung cấp cho các nhà quản trị và các đối tượng quan tâm khác. Trong bối cảnh hiện nay, rất cần có sự quan tâm của doanh nghiệp đối với xã hội. Bài viết, phân tích khái quát về kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp, sự cần thiết phải thực hiện KTTNXH trong doanh nghiệp xây dựng. Qua đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm thực hiện kế toán trách nhiệm xã hội trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam đạt hiệu quả.

• Từ khóa: trách nhiệm xã hội; kế toán trách nhiệm xã hội, doanh nghiệp xây dựng.

Social responsibility accounting reflects the quantification of economic, social and environmental information of enterprises to provide to managers and other interested parties. In the current context, it is necessary for enterprises to pay attention to society. This article provides a general analysis of responsibility accounting in enterprises and the necessity of implementing social responsibility accounting in construction enterprises. Thereby, it proposes some recommendations to effectively implement social responsibility accounting in Vietnamese construction enterprises.

• Key words: social responsibility; social responsibility accounting, construction enterprises.

Ngày gửi bài: 19/3/2025

Ngày gửi phản biện: 12/4/2025

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 20/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 25/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i295.10>

Đặt vấn đề

Hoạt động của doanh nghiệp (DN) nói chung và doanh nghiệp xây dựng (DNXD) nói riêng gắn liền với thực hiện trách nhiệm xã hội và là một xu thế tất yếu, đặc biệt trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. Trách nhiệm xã hội (TNXH) của DN không chỉ có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường mà còn có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển lâu dài, bền vững của bản thân DN. Các nghiên cứu lý luận và thực tế trong những năm qua đã cho thấy, DN nào thực hiện tốt TNXH của họ thì lợi ích của họ không những không giảm đi mà còn tăng thêm. Ngoài việc xây dựng niềm tin với cộng đồng và đem lại cho DN một lợi thế trong việc thu hút khách hàng và nhân sự giỏi, có đạo đức nghề nghiệp, hành động có trách nhiệm đối xã hội nói chung và đối với người lao động trong DN nói riêng, kế toán trách nhiệm xã hội (KTTNXH) góp phần quan

trọng vào minh bạch tài chính và phát triển bền vững của nền kinh tế. Thực hiện báo cáo phát triển bền vững, KTTNXH đã trở thành xu hướng đang được khuyến khích trong các DN nói chung và các DNXD Việt Nam nói riêng.

1. Tổng quan về kế toán trách nhiệm xã hội

Trên thế giới đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về KTTNXH. Theo Anderson (1977), kế toán trách nhiệm xã hội được coi như là công cụ quản trị, hỗ trợ cho việc thiết lập các mục tiêu xã hội của tổ chức thông qua cách xem xét nhu cầu của doanh nghiệp và kỳ vọng của công chúng.

Theo Mathews (1993), kế toán trách nhiệm xã hội là việc công bố thông tin tài chính và thông tin phi tài chính, thông tin định lượng và thông tin định tính về các hoạt động của một tổ chức, mà các thông tin này có ảnh hưởng đến nhiều đối tượng liên quan.

Như vậy, Kế toán trách nhiệm xã hội (KTTNXH) là khoa học quan sát, đo lường, tính toán, ghi nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin về TNXH của doanh nghiệp. KTTNXH cam kết các trách nhiệm của DN đối với xã hội như: trách nhiệm trong bảo vệ môi trường, trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng, trách nhiệm bảo đảm lợi ích cho người tiêu dùng...

KTTNXH ghi nhận nguồn lực của một DN tạo ra giá trị gia tăng không chỉ phụ thuộc vào vốn sản xuất, kinh doanh mà quan trọng hơn là phụ thuộc vào con người, xã hội và tự nhiên. Điều này đồng nghĩa với các khoản chi ra từ doanh nghiệp phục vụ cho SXKD, cho công tác bảo vệ môi trường và chi cho các chương trình liên quan đến cộng đồng xã hội có thể sẽ được tái đầu tư vào tài sản và tạo ra của cải cho xã hội nói chung và tạo thu nhập cho DN nói riêng.

Nội dung cơ bản của KTTNXH, bao gồm các vấn đề chính sau:

Thứ nhất, kế toán trách nhiệm xã hội ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin tài chính phục vụ cho các

* Trường đại học Công đoàn; email: chungntk@dhcd.edu.vn

đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, bao gồm:

(i) *Ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin tài sản phục vụ cho các hoạt động trách nhiệm xã hội*

Trong quá trình hoạt động SXKD, doanh nghiệp cần có một lượng tài sản, tiền vốn nhất định để đáp ứng các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra, trong đó có những tài sản phục vụ cho các hoạt động trách nhiệm xã hội, bao gồm các tài sản dài hạn như: tài sản cố định, đầu tư dài hạn... và các tài sản ngắn hạn như: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, công cụ, dụng cụ, các khoản đầu tư ngắn hạn khác... Các khoản tài sản này phải được ghi nhận theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và phù hợp với IAS, IFRS.

Các tài sản phục vụ hoạt động trách nhiệm xã hội, gồm:

- Tài sản dùng cho mục đích bảo vệ môi trường, gồm thiết bị, máy móc thiết bị xử lý chất thải, công trình xử lý môi trường, công trình phòng chống thiên tai, công nghệ, dịch vụ cho hệ sinh thái...

- Tài sản dùng cho mục đích xử lý, kiểm soát chất thải như: hệ thống xử lý nước thải, hệ thống hút bụi, hệ thống thông gió...

- Tài sản sử dụng cho mục đích nghiên cứu phát triển về môi trường như: phòng thí nghiệm sử dụng với mục đích nghiên cứu cho các phương án bảo vệ môi trường...

- Các tài sản vô hình như: chứng chỉ giảm phát thải, chứng chỉ carbon, giấy phép phát thải, các dịch vụ hệ sinh thái...

- Các tài sản phục vụ người lao động như: nhà ăn, phòng tập thể thao, bể bơi...

(ii) *Ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin về nợ phải trả trách nhiệm xã hội*

Nợ phải trả trách nhiệm xã hội là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phải thực hiện để thanh toán các khoản phát sinh liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, đáp ứng các tiêu chí ghi nhận là nợ phải trả. Doanh nghiệp phải mô tả một cách ngắn gọn về bản chất của từng loại nợ phải trả trách nhiệm xã hội. Mặt khác, DN cũng cần phải công bố, mô tả ngắn gọn về bản chất, ước tính hiệu quả tài chính, xác định các yếu tố không chắc chắn liên quan đến việc không ghi nhận các khoản nợ tiềm tàng trách nhiệm xã hội.

(iii) *Ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin về chi phí trách nhiệm xã hội*

Chi phí trách nhiệm xã hội là các khoản doanh nghiệp chi ra trong kỳ nhằm thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội, các khoản chi phí này làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán của doanh nghiệp. DN cần ghi nhận, xử lý và cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung chi phí trách nhiệm xã hội như danh mục

các khoản chi phí cho hoạt động xã hội, chi cho người lao động, chi cho các khoản bị phạt do không tuân thủ quy định bảo vệ môi trường hoặc chi bồi thường cho bên thứ ba do doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

(iv) *Ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin về thu nhập, các khoản ưu đãi đối với hoạt động trách nhiệm xã hội*

Trong quá trình hoạt động SXKD, doanh nghiệp có thể thu được khoản tiền do bán phế liệu, chất thải rắn, lợi nhuận gia tăng từ các khoản tiết kiệm vật tư, sản phẩm thân thiện môi trường, các khoản thu được từ khoản bồi hoàn bảo hiểm cho các khiếu nại liên quan đến môi trường, đến người lao động, các khoản được hỗ trợ, ưu đãi, các khoản tiền thưởng... của Chính phủ cho doanh nghiệp do thực hiện tốt các chương trình bảo vệ môi trường. Các thông tin này, giúp cho việc đánh giá trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội...

Thứ hai, kế toán trách nhiệm xã hội ghi nhận, xử lý và cung cấp thông tin phi tài chính phục vụ cho các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp

Thông tin phi tài chính liên quan đến hoạt động trách nhiệm xã hội là những thông tin định tính mang tính chất mô tả để thông báo cho các bên liên quan về dữ liệu, chính sách, hoạt động và cam kết của doanh nghiệp liên quan đến trách nhiệm xã hội không đo lường bằng tiền như: chính sách và các chương trình chính thức liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đã được doanh nghiệp thông qua, chẳng hạn chính sách về lao động, tiền lương, phúc lợi, chế độ bảo hiểm; điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh, thời gian nghỉ ngơi..., chính sách đào tạo, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp cho nhân viên, chính sách bình đẳng giới...; trách nhiệm với cộng đồng và xã hội như: các hoạt động từ thiện, hỗ trợ y tế, giáo dục; trách nhiệm với khách hàng và đối tác... Nếu trường hợp không có các chính sách và chương trình này thì doanh nghiệp cần phải thuyết minh rõ những cải tiến chủ yếu mà doanh nghiệp đã thực hiện trong những năm qua, các biện pháp, mức độ bảo vệ môi trường hay trách nhiệm với người lao động trong doanh nghiệp cũng như với xã hội đã được thực hiện theo yêu cầu của pháp luật...

Thứ ba, báo cáo trách nhiệm xã hội

Báo cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp còn có thể gọi là báo cáo phát triển bền vững, trình bày và công bố những thông tin về kinh tế, môi trường và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với xã hội. Các thông tin này có thể được tích hợp với báo cáo tài chính và cũng có thể được phản ánh trong báo cáo riêng trong hệ thống báo cáo thường niên và được công bố trên các phương tiện truyền thông của doanh nghiệp. Báo cáo trách nhiệm xã hội được lập thường kỳ và phải đảm bảo tuân thủ những quy định của việc lập báo cáo nhằm cung cấp đầy đủ,

chính xác những thông tin cần thiết phục vụ cho các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Nội dung thông tin trình bày trên báo cáo trách nhiệm xã hội gồm thông tin tài chính và thông tin phi tài chính. Cụ thể là (i) Giới thiệu khái quát về doanh nghiệp, tầm nhìn, sứ mệnh; chính sách, cam kết của DN đối với phát triển bền vững; (ii) Trách nhiệm đối với người lao động (chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, điều kiện lao động, an toàn, vệ sinh lao động, bình đẳng giới, quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động...); (iii) Trách nhiệm đối với khách hàng và đối tác; (iv) Trách nhiệm đối với cộng đồng; (v) Trách nhiệm đối với môi trường; (vi) Trách nhiệm quản trị và tuân thủ pháp luật; (vii) Định hướng và cam kết trong tương lai;

2. Thực tiễn vận dụng kế toán trách nhiệm xã hội trong các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam

Các doanh nghiệp Xây dựng giữ vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế- xã hội, trong phát triển hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống xã hội, đồng thời góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và hội nhập quốc tế. Có thể khai quát trên một số điểm sau đây:

Đối với nền kinh tế

Thứ nhất, tạo ra cơ sở hạ tầng: xây dựng hệ thống giao thông, sân bay, nhà máy. Các khu đô thị, khu công nghiệp. Đây là nền tảng quan trọng cho việc phát triển kinh tế- xã hội của một quốc gia;

Thứ hai, đóng góp vào tăng trưởng GDP. Ngành xây dựng của Việt Nam thường đóng góp tỷ lệ khá cao vào tăng trưởng GDP, tạo điều kiện cho việc thúc đẩy sự phát triển của các ngành liên quan khác như: vật liệu xây dựng, vận tải, cơ khí, sản xuất xi măng;

Thứ ba, thu hút lao động ở nhiều trình độ từ kỹ sư, kiến trúc sư đến công nhân tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh;

Đối với xã hội

Thứ nhất, nâng cao chất lượng cuộc sống: với chức năng của ngành là xây dựng các công trình nhà ở, trường học, bệnh viện, công trình văn hóa, thể thao, các công trình phục vụ bảo vệ môi trường, giúp cho việc nâng cao chất lượng cuộc sống cả về vật chất và tinh thần của người dân;

Thứ hai, góp phần quan trọng trong phát triển đô thị và nông thôn mới. Ngành xây dựng tạo ra các sản phẩm xây dựng phục vụ cho đô thị hóa cũng như xây dựng nông thôn mới với những hệ thống nhà ở, công trình giao thông, văn hóa, thể thao, đảm bảo cho phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới...

Thứ ba, giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động. Hàng năm ngành xây dựng Việt Nam đã thu hút hàng chục ngàn người lao động vào làm việc trong các công trình xây dựng, đã góp phần giải quyết việc

làm, giảm thiểu thất nghiệp và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Đối với môi trường và phát triển bền vững

Trong những năm gần đây, nhờ sự phát triển nhanh của khoa học, kỹ thuật, ngành xây dựng Việt Nam đã từng bước áp dụng công nghệ xanh, sử dụng các vật liệu thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng các công trình thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm thiểu tác động của môi trường thông qua việc sử dụng công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, tăng cường sử dụng vật liệu tái chế; tạo cảnh quan và không gian sống xanh, bền vững;

Đối với quá trình hội nhập quốc tế

Ngành xây dựng những năm qua đã thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua các dự án lớn; tiếp cận công nghệ hiện đại và phương thức quản lý tiên tiến từ các tập đoàn Xây dựng có uy tín trên thế giới; nâng cao vị thế quốc gia qua các công trình hiện đại như cầu cảng, khu công nghiệp...

3. Một số khuyến nghị

Việc vận dụng KTTNXH trong các DNXD không chỉ giúp các doanh nghiệp trong ngành này củng cố tăng cường mối quan hệ hợp tác với các bên có liên quan mà còn giúp các cho việc tăng cường quản lý rủi ro kinh doanh, nâng cao khả năng thích nghi trong môi trường thay đổi nhanh chóng, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh.

Đối với Nhà nước và các cơ quan liên quan

Đối với Nhà nước: cần xây dựng cơ chế, chính sách về KTTNXH. Theo đó, Bộ Tài chính cần xây dựng được khung pháp lý, ban hành chuẩn mực kế toán, hướng dẫn KTTNXH nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nói chung và các DNXD nói riêng có căn cứ pháp lý để áp dụng vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp; tích hợp KTTNXH vào Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành để đảm bảo vừa phục vụ cho minh bạch tài chính, vừa phản ánh được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội; xây dựng hệ thống chỉ tiêu và báo cáo trách nhiệm xã hội, xác định các nội dung hạch toán có liên quan. Các cơ quan ban ngành có liên quan, bên cạnh tài liệu hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững dựa theo khung Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) chỉ phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn thì Bộ Tài chính cần ban hành sớm và chi tiết các hướng dẫn cụ thể để các DNXD có cơ sở triển khai KTTNXH. Mặt khác, cần phải xây dựng lộ trình cụ thể, trong đó: giai đoạn đầu cần có những ưu đãi nhất định để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xã hội. Trong giai đoạn tiếp theo, cần bắt buộc triển khai và có các chế tài phù hợp đối với những doanh nghiệp cố tình không công bố thông tin về trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, xã hội;

Đối với các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam

Một là, cần tích cực tăng cường truyền thông nội bộ, thông qua các bảng tin nội bộ về tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong SXKD; các hoạt động từ thiện, các cuộc thi và giải thưởng về giải pháp bảo vệ môi trường.

Hai là, tận dụng tối đa tiện ích công nghệ để truyền tải thông tin trên website nhằm chuyên tải ý nghĩa về trách nhiệm xã hội đến với người lao động trong doanh nghiệp, giúp họ nhận thức về vai trò của các hoạt động trách nhiệm xã hội đối với sự phát triển bền vững đất nước nói chung và của doanh nghiệp nói riêng.

Để thực hiện điều này, doanh nghiệp cần phải có sự phân quyền theo từng nhóm trách nhiệm trên cơ sở thành lập các trung tâm trách nhiệm nhằm giúp lãnh đạo doanh nghiệp thiết lập được một mô hình với cơ cấu hợp lý, khoa học; thực hiện phân quyền trách nhiệm từ khâu lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch liên quan đến thực hiện trách nhiệm xã hội; thành lập bộ phận chuyên trách để tổng hợp cũng như phân tích thông tin về KTTNXH. Mặt khác, cần thiết phải mở rộng hệ thống kế toán trên cơ sở quy định của chế độ kế toán đã được hoàn thiện thiện; mở các tài khoản chi tiết phản ánh các khoản thu, chi có liên quan đến hoạt động trách nhiệm xã hội... Từ đó, có cơ sở để lập và cung cấp thông tin trách nhiệm xã hội một cách đầy đủ và đáng tin cậy.

Ba là, nâng cao năng lực và trình độ nhân sự kế toán trong doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp cần có sự phối hợp với các cơ sở đào tạo, hội nghề nghiệp kế toán để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân sự kế toán tại doanh nghiệp cả về sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ, về công nghệ thông tin; xây dựng văn hóa trách nhiệm xã hội trong doanh nghiệp, gắn KPI của kế toán và quản lý với việc thực hiện trách nhiệm xã hội... để đội ngũ này có thể đảm nhiệm được nhiệm vụ trong hạch toán, lập và trình bày báo cáo có liên quan trách nhiệm xã hội.

Đối với các nhà đầu tư

Để hoàn thiện KTTNXH, các nhà đầu tư cũng có vai trò rất quan trọng, họ không chỉ là đơn vị đầu tư vốn mà còn là tác nhân thúc đẩy DN XD hoàn thiện KTTNXH thông qua yêu cầu minh bạch, giám sát, và ưu tiên vốn cho phát triển bền vững. Thể hiện trên một số điểm như sau:

Một là, cần thiết tích hợp tiêu chí xã hội với môi trường vào quyết định đầu tư. Theo đó, các nhà đầu tư ngoài việc quan tâm đến hiệu quả tài chính còn phải quan tâm đến báo cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp;

Hai là, ưu tiên đầu tư vào những doanh nghiệp có hệ thống KTTNXH minh bạch, gắn với phát triển bền vững;

Ba là, tham gia vào việc giám sát và đối thoại cùng doanh nghiệp; góp ý, giám sát việc lập và công bố báo

cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp; động viên các doanh nghiệp áp dụng chuẩn mực quốc tế như: IFRS, GRI...;

Bốn là, đầu tư vào các dự án, các doanh nghiệp phát triển xanh, sạch, bền vững; tránh đầu tư vào các doanh nghiệp gây hại cho xã hội và môi trường

Đối với các cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức xã hội đào tạo nghề nghiệp khác

Để thực hiện được giải pháp này, các cơ sở giáo dục đại học và các tổ chức xã hội đào tạo nghề nghiệp khác cần có sự đồng hành cùng doanh nghiệp, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, cần sớm có định hướng đào tạo lực lượng lao động đủ khả năng đảm nhiệm công việc của KTTNXH nhằm mang lại lợi ích không những cho các bên có liên quan mà còn cho chính doanh nghiệp, cho nền kinh tế, cộng đồng và xã hội. Các cơ sở giáo dục đại học thuộc khối ngành kinh tế cần phải đưa các nội dung KTTNXH, báo cáo phát triển bền vững ... vào nội dung, chương trình đào tạo. Từ đó, dần dần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu của xã hội nói chung và của DN XD nói riêng, cũng như tạo ra một thể hệ nhân sự kế toán và các nhà quản trị có tâm, có tầm và có đủ năng lực để giúp doanh nghiệp cũng như toàn bộ nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững trong quá trình hội nhập và phát triển.

Hai là, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, các hội nghề nghiệp để xây nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng hợp lý trên cơ sở tăng cường kiến thức thực hành và giảm thiểu kiến thức mang tính lý thuyết thuần túy về KTTNXH nhằm đào tạo được đội ngũ nhân sự quản lý và kế toán có kỹ năng tốt về chuyên môn và giỏi công nghệ.

Kết luận: KTTNXH trong các DN XD không chỉ là công cụ quản lý nội bộ mà còn là nền tảng nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong việc sử dụng nguồn lực và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trước Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội. Trong bối cảnh ngành xây dựng của Việt Nam luôn tiềm ẩn rủi ro về tài chính, môi trường và an toàn lao động, việc vận dụng KTTNXH, giúp cho các doanh nghiệp thuộc loại hình này kiểm soát hiệu quả chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và thực hiện tách nhiệm xã hội. Các giải pháp đề xuất cần được thực hiện một cách đồng bộ và căn cứ cụ thể vào đặc điểm của từng doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

- Amir Barnea & Amir Rubin (2010), Corporate Social Responsibility as Conflict Between Shareholders. *Journal of Business Ethics*, 97-71-66
 Tapchitaichinh.vn/ke-toan-trach-nhiem-tai-cac-doanh-nghiep-xay-dung-viet-nam.html
 Tapchicongthuong.vn/ke-toan-trach-nhiem-xa-hoi-va-thuc-tien-van-dun-vao-viet-nam-105762.html- Bài viết của TS. Đặng Thị Bích Ngọc (2023), "Kế toán trách nhiệm xã hội và thực tiễn vận dụng vào Việt Nam".
 Mayorova, E. A. (2019). Corporate social responsibility disclosure: evidence from the European retail sector. *Entrepreneurship and Sustainability Issues*, 7(2), 891-903.
 KPMG. (2017). The KPMG Survey of Corporate Responsibility Reporting 2017.
 Waniak-Michalak, H., & Michalak, J. (2016). Corporate and NGOs' Voluntary Disclosure on Collaboration. *Evidence from Poland. Inżynieria Ekonomiczna*, 27(1), 98-108